

Số: 08 /QĐ-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tính điểm chuyên cần đối với sinh viên theo học hình thức
đào tạo từ xa của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi các Khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tính điểm chuyên cần đối với sinh viên theo học hình thức đào tạo từ xa của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang”.

(Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quy định trước đây trái với văn bản kèm theo quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị, cán bộ viên chức, người lao động, người học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH, CTHĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
Mai Thị Huyền

Phụ lục: HƯỚNG DẪN TÍNH ĐIỂM CHUYÊN CẦN

1. Hướng dẫn tính điểm chuyên cần

Điểm chuyên cần = 70% điểm chuyên cần 1 (ĐCC1) + 30% điểm chuyên cần 2 (ĐCC2).

(Điểm chuyên cần được làm tròn đến phần nguyên)

Điểm chuyên cần dưới 5 (tương đương thời gian theo học dưới 80% thời lượng học phần) sinh viên không được dự thi kết thúc học phần

2. Hướng dẫn tính điểm chuyên cần 1 (ĐCC1)

- Xác định điểm chuyên cần 1 theo tỉ lệ %

% Thời gian xem video	80%	$80\% < x \leq 84$	$84\% < x \leq 88\%$	$88\% < x \leq 92\%$	$92\% < x \leq 96\%$	$96\% < x \leq 100\%$
ĐCC1 (Thang điểm 10)	5	6	7	8	9	10

Trong đó: x là tỉ lệ % thời gian xem video

- Xác định tỉ lệ %

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Tổng số phút được tính}}{\text{Tổng số phút yêu cầu}} \times 100\%$$

+ Tổng số phút được tính: Tổng số phút được tính của các video thành phần

+ Tổng số phút yêu cầu: Cộng toàn bộ số phút yêu cầu của các video thành phần

+ Số phút yêu cầu 1 video: Hệ thống tự nhận làm tròn xuống số phút video

+ Số phút được tính của 1 video thành phần:

- ✓ Nếu số phút sinh viên xem video thành phần nhỏ hơn số phút yêu cầu: Lấy số phút sinh viên xem
- ✓ Nếu số phút sinh viên xem video thành phần lớn hơn số phút yêu cầu: Lấy số phút yêu cầu video đó

+ Tỉ lệ: Lấy số nguyên

Ví dụ:

- ✓ Nếu 1 số sau dấu phẩy ≥ 5 , làm tròn lên (VD: 70.56% > lấy 71%)
- ✓ Nếu 1 số sau dấu phẩy < 5 , làm tròn xuống (VD: 70.11% > lấy 70%)

+ ĐCC1: Định dạng số, căn cứ giá trị cột Tỷ lệ nằm trong đoạn % tương ứng

Ví dụ: Nếu tỷ lệ = 86% $\rightarrow$ ĐCC1 = 7

- Mẫu báo cáo Điểm Chuyên cần 1 như sau

PHÒNG
RƯỞI
AI H
VIG-
CGI
★

Handwritten signature

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	LỚP	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	NGÀY SINH	Tên video 01			Tên video 02			Tổng số phút yêu cầu	Tổng số phút được tính	Tỷ lệ	ĐCC1	GHI CHÚ
						Số phút yêu cầu	Số phút sinh viên xem	Số phút được tính	Số phút yêu cầu	Số phút sinh viên xem	Số phút được tính					
1	7SDTT01	Xây dựng	Nguyễn Văn Hòa	Nữ	1/1/1999	30	25	25	45	50	45	75	70	93%	8	
2	7SDTT03	Xây dựng	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	1/5/1999	20	25	20	35	40	35	55	55	100%	10	
Ngày xuất dữ liệu: Ngày 10 tháng 05 năm 2024																
CÁN BỘ XUẤT DỮ LIỆU																

3. Hướng dẫn tính điểm chuyên cần 2 (ĐCC2)

- Phạm vi áp dụng: Áp dụng nhóm nội dung có bao gồm buổi học trực tuyến (Zoom)
- Xác định điểm chuyên cần 2 theo tỉ lệ %

% Thời gian xem video	80%	80% < x ≤ 84	84% < x ≤ 88%	88% < x ≤ 92%	92% < x ≤ 96%	96% < x ≤ 100%
ĐCC1 (Thang điểm 10)	5	6	7	8	9	10

- Xác định tỉ lệ %

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Tổng số tiết được tính}}{\text{Tổng số tiết Vclass}} \times 100\%$$

Trong đó:

- + Tổng số tiết Vclass: Cộng toàn bộ số tiết của các buổi Vclass theo thời khóa biểu.
- + Tổng số tiết được tính: Tổng số tiết được tính của các buổi Vclass:
- ✓ Nếu sinh viên điểm danh: Số tiết được tính = số tiết buổi vclass theo thời khóa biểu
- ✓ Nếu sinh viên không điểm danh: Yêu cầu xem lại video ghi màn hình
 - o Sinh viên xem đủ 100% số phút ghi lại màn hình: Số tiết được tính = số tiết buổi vclass theo thời khóa biểu
 - o Sinh viên xem không đủ 100% số phút ghi màn hình: Số tiết được tính = tỷ lệ xem ghi Vclass x số tiết buổi Vclass theo thời khóa biểu
 - o Tỷ lệ xem ghi Vclass = Số phút sinh viên xem / Số phút video ghi màn hình
- Mẫu báo cáo điểm chuyên cần 2 như sau:

BẢNG ĐIỂM CHUYÊN CẦN 2 (ĐCC2)																					
STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	LỚP	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	NGÀY SINH	Video 1					Video 2					Tổng số tiết Video 1	Tổng số tiết được tính	Tỷ lệ	ĐCC2	GHI CHÚ	
						Số tiết	Điểm danh	số phút video ghi màn hình	số phút sinh viên xem	Tỷ lệ xem ghi vclass	Số tiết được tính	Số tiết	Điểm danh	số phút video ghi màn hình	số phút sinh viên xem						Tỷ lệ xem ghi vclass
1	7SDTT01	Xây dựng	Nguyễn Văn Hòa	Nữ	1/1/1999	3	không	130	110	0.82	2.75	2	không	43	46	1.02	2	5	4.75	92%	0
2	7SDTT03	Xây dựng	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	1/5/1999	2	Có	120	90	0.62	2	2	không	41	46	1.02	2	4	4	100%	10
Ngày xuất dữ liệu: Ngày 10 tháng 05 năm 2024																					
CÁN BỘ XUẤT DỮ LIỆU																					

Trong đó:

- + **Số tiết:** số tiết khai báo trong buổi Zoom, cần khớp với số tiết thể hiện trên thời khóa biểu
- + **Điểm danh:** Thông tin Điểm danh thuộc Nhóm nội dung có chứa buổi Zoom tương ứng
- + **Số phút video ghi màn hình:** Tổng số phút thiết lập tại Điều kiện hoàn thành (phút) của tất cả nội dung video, định dạng số nguyên

- + **Số phút sinh viên xem:** Tổng số phút đã xem thực tế của tất cả nội dung video, định dạng số thập phân (làm tròn và lấy 1 số sau dấu phẩy, ngăn cách nhau bởi dấu chấm)
- + **Tỷ lệ xem ghi Vclass:** Số phút sinh viên xem/số phút video ghi màn hình
Định dạng số thập phân (làm tròn và lấy 2 số sau dấu phẩy, ngăn cách nhau bởi dấu chấm)

Ví dụ: 0.56666 > lấy 0.57

- + **Số tiết được tính:** Định dạng số thập phân, làm tròn và lấy sau dấu phẩy 2 số, ngăn cách nhau dấu chấm.

Ví dụ: 2.56666 > lấy 2.57

- + **Tổng số tiết Vclass:** Tổng các cột số tiết, định dạng số nguyên
- + **Tổng số tiết được tính:** Tổng các cột số tiết được tính, định dạng số thập phân (Làm tròn và lấy sau dấu phẩy 2 số, ngăn cách nhau dấu chấm)

Ví dụ: 4.56666 > lấy 4.57

- + **Tỉ lệ:** Định dạng số nguyên, đơn vị tính: %
- **ĐCC 2:** Định dạng số, căn cứ giá trị cột tỉ lệ nằm trong đoạn % tương ứng
Ví dụ: Nếu tỉ lệ = 86% $\rightarrow$ ĐCC2 = 7